

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 25/2023/HSST

Ngày: 23-11-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hạnh

Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Yên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Cao Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 32/2023/HSST, ngày 24 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Văn Tr, sinh năm 1999; Giới tính: Nam

HKTT và Nơi ở hiện nay: Phố Minh T, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Văn Th, sinh năm: 1972 và bà: Nguyễn Thị Thh, sinh năm: 1973; Có vợ là Nguyễn Khánh L, có 01 sinh năm 2023; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

2. Trịnh Văn Th, sinh năm 1995; Giới tính: Nam

HKTT và Nơi ở hiện nay: Phố Minh T, phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn T (Đã chết) và bà: Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1973; Có vợ là Nguyễn Thị Nh; Có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị D, sinh năm 1978
 2. Anh Bùi Văn L, sinh năm 1980
 3. Chị Bùi Thị L, sinh năm 1978
 4. Chị Chu Thị H, sinh năm 1981
 5. Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1979
 6. Chị Phạm Hồng Nh, sinh năm 1991
 7. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1988
 8. Chị Lê Thị H, sinh năm 1982
 9. Chị Trịnh Thị Đ, sinh năm 1981
 10. Anh Bùi Đức N, sinh năm 1991
- Cùng địa chỉ: Phố T, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.
Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở tố giác của quần chúng nhân dân về hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự tại phường Q, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành điều tra, xác minh, kết quả như sau:

Do không có công ăn việc làm ổn định nên từ ngày 08/11/2022 đến ngày 24/3/2023, Trịnh Văn Tr và Trịnh Văn Thg bàn bạc thống nhất với nhau dùng 180.000.000 đồng cho 10 khách hàng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa vay tiền lấy lãi dưới hình thức vay thăm, lãi suất thu từ 3.000 đồng đến 9.000 đồng, tương đương lãi suất 108.51%/năm đến 319.38%/ năm, vượt từ 5,43 đến 15,97 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự. Tr là người trực tiếp thực hiện việc cho vay và thanh toán với khách rồi báo lại cho Th biết. Khách vay thanh toán tiền lãi và tiền gốc cho Tr và Th bằng cách gặp mặt đưa tiền trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản ngân hàng Techcombank, số tài khoản 2327270999 mang tên Trịnh Văn Tr. Số tiền thu lời bất chính được từ các khoản vay Th và Tr chia đều 50% để hưởng lợi, Cụ thể:

1. Ngày 08/11/2022, chị Trần Thị D, vay gói 10.000.000 đồng trong thời hạn 32 ngày, mỗi ngày trả cả gốc và lãi 400.000 đồng tương ứng với tổng số tiền phải trả là 12.800.000 đồng. Tr thu trước 600.000 đồng tiền lãi, số tiền chị D thực nhận 9.400.000 đồng, mức lãi suất của khoản vay là 8.750đ/triệu/ngày (319,38%/năm), gấp 15,97 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền lãi nhằm thu là 2.800.000 đồng, gồm 175.342 đồng được thu theo quy định và 2.624.658 đồng hưởng lợi bất chính.

Ngày 13/12/2022, chị D tiếp tục vay gói 10.000.000 đồng cùng mức lãi suất như trên. Số tiền lãi nhằm thu của chị D là 2.800.000 đồng gồm 175.342 đồng được thu theo quy định và 2.624.658 đồng hưởng lợi bất chính.

Tổng số Tr và Th cho chị D vay là 20.000.000 đồng, số tiền thực nhận 18.800.000 đồng, tiền lãi của 02 khoản vay là 5.600.000 đồng, gồm 350.684 đồng được thu theo quy định và 5.249.316 đồng hưởng lợi bất chính. Hai khoản vay này chị D đã trả 22.300.000 đồng tiền gốc và lãi, còn 3.300.000 đồng chưa thanh toán. Khi cho vay, Tr đến gặp để xác nhận công việc buôn bán tại chợ của chị D và ở nhà rồi đồng ý cho vay mà không cần viết giấy tờ hay để lại tài sản đảm bảo.

2. Ngày 08/11/2022, anh Bùi Văn L, vay gói 10.000.000 đồng trong thời hạn 42 ngày, mỗi ngày đóng 300.000 đồng, tương ứng với tổng số tiền phải trả là 12.600.000 đồng. Mức lãi suất của khoản vay là 6.190đ/triệu/ngày (225,95%/năm), gấp 11,30 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền lãi nhằm thu là 2.600.000 đồng, gồm 230.137 đồng được thu theo quy định và 2.369.863 đồng hưởng lợi bất chính. Khoản vay này anh L đã trả được 6.500.000 đồng tiền gốc và lãi, còn 6.100.000 đồng chưa thanh toán. Khi cho vay Tr đã yêu cầu anh L cung cấp thông tin địa chỉ, công việc để xác minh thông tin trước khi cho vay, không yêu cầu anh L phải viết giấy tờ chỉ yêu cầu để lại căn cước công dân làm tin, sau một vài lần anh L trả tiền thì Tr trả lại căn cước công dân cho anh Lượng.

3. Ngày 10/11/2022, chị Bùi Thị L, vay gói 5.000.000 đồng trong thời hạn 32 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng, tương ứng với tổng số tiền phải trả là 6.400.000 đồng. Tr thu trước 400.000 đồng tiền lãi nên thực nhận số tiền 4.600.000 đồng. Mức lãi suất của khoản vay là 8.750đ/triệu/ngày (319,38%/năm), gấp 15,97 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền lãi nhằm thu là 1.400.000 đồng, gồm 87.671 đồng được thu theo quy định và 1.312.329 đồng hưởng lợi bất chính. Khoản vay này chị L đã trả 3.400.000 đồng tiền gốc và lãi, còn 3.000.000 đồng chưa thanh toán. Do nhà ở gần nhau nên khi cho vay Tr không yêu cầu chị L phải viết giấy tờ hay để lại tài sản đảm bảo.

4. Ngày 11/11/2022, chị Chu Thị H, vay gói 5.000.000 đồng, thời hạn 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng, tương ứng tổng số tiền phải trả là 6.000.000 đồng. Tr thu trước 600.000 đồng tiền lãi, thực nhận được số tiền 4.400.000 đồng. Mức lãi suất của khoản vay là 6.667đ/triệu/ngày (243,33%/năm) gấp 12,17 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền lãi nhằm thu là 1.000.000 đồng gồm 82.192 đồng được thu theo quy định và 917.808 đồng hưởng lợi bất chính. Khoản vay này chị H đã trả hết gốc và lãi.

Ngày 09/01/2023, chị H tiếp tục vay Tr và Th số tiền 5.000.000 đồng cùng mức lãi suất như trên. Số tiền lãi nhằm thu là 1.000.000 đồng, gồm 82.192 đồng được thu theo quy định và 917.808 đồng hưởng lợi bất chính. Khoản vay này chị H đã trả 2.500.000 đồng tiền gốc và lãi, còn 3.500.000 đồng chưa thanh toán.

Tổng số tiền chị Hiền vay là 10.000.000 đồng, số tiền thực nhận 8.800.000 đồng, số tiền lãi của 02 khoản vay là 2.000.000 đồng gồm 164.384 đồng được thu

theo quy định và 1.835.616 đồng hưởng lợi bất chính. Hai khoản vay này chị H đã trả được 8.500.000 đồng tiền gốc và lãi, còn 3.500.000 đồng chưa thanh toán. Khi cho vay Tr đã yêu cầu chị H dẫn về nhà để xác minh thông tin địa chỉ, công việc, điều kiện kinh tế, không yêu cầu chị H phải viết giấy tờ, hay để lại tài sản đảm bảo mà chỉ chụp hình chị H vay tiền lại.

5. Ngày 18/11/2022, chị Nguyễn Thị Nh, vay gói 10.000.000 đồng thời hạn 32 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng, tương ứng với tổng số tiền phải trả là 12.800.000 đồng. Tr thu trước 600.000 đồng tiền lãi, số tiền thực nhận 9.400.000 đồng. Mức lãi suất của khoản vay là 8.750đ/triệu/ngày (319,38%/năm), gấp 15,97 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền lãi nhằm thu là 2.800.000 đồng, gồm 175.342 đồng được thu theo quy định và 2.624.658 đồng hưởng lợi bất chính. Khoản vay này chị Nh đã thanh toán hết; Ngày 06/02/2023, chị Nh tiếp tục vay số tiền 10.000.000 đồng cùng mức lãi suất như trên. Số tiền lãi nhằm thu là 2.800.000 đồng, gồm 175.342 đồng được thu theo quy định và 2.624.658 đồng hưởng lợi bất chính. Khoản vay này chị Nh đã trả 2.560.000 đồng tiền gốc và lãi, còn 10.240.000 đồng chưa thanh toán.

Tổng số tiền chị Nhung vay là 20.000.000 đồng, số tiền thực nhận 18.800.000 đồng, số tiền lãi thu của 02 khoản vay là 5.600.000 đồng, gồm 350.684 đồng được thu theo quy định và 5.249.316 đồng hưởng lợi bất chính. Hai khoản vay này chị Hiền đã trả được 15.360.000 đồng tiền gốc và lãi, còn 10.240.000 đồng chưa thanh toán. Khi cho vay Tr đã yêu cầu chị Nh dẫn về nhà để xác minh thông tin địa chỉ, công việc, điều kiện kinh tế, không yêu cầu chị Nh phải viết giấy tờ, hay để lại tài sản đảm bảo.

6. Ngày 19/11/2022, chị Phạm Hồng N, vay gói 10.000.000 đồng, thời hạn 42 ngày, mỗi ngày đóng 300.000 đồng, tương ứng với tổng số tiền phải trả là 12.600.000 đồng. Mức lãi suất của khoản vay là 6.190đ/triệu/ngày (229,95%/năm) gấp 11,30 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền lãi nhằm thu là 2.600.000 đồng gồm 230.137 đồng được thu theo quy định và 2.369.863 đồng hưởng lợi bất chính. Khoản vay này chị N đã trả 11.600.000 đồng tiền gốc và lãi, còn 1.000.000 đồng chưa thanh toán. Khi cho vay Tr đã yêu cầu chị N dẫn về nhà để xác minh thông tin địa chỉ, công việc, điều kiện kinh tế, không yêu cầu chị N phải viết giấy tờ, hay để lại tài sản đảm bảo.

7. Ngày 21/11/2022, chị Hoàng Thị L vay gói 10.000.000 đồng. Tr thu trước 2.000.000 đồng tiền lãi, thực nhận 8.000.000 đồng, thời hạn vay 50 ngày, mỗi ngày chị L phải đóng số tiền 200.000 đồng, tương ứng với tổng số tiền phải trả là 10.000.000 đồng. Mức lãi suất của khoản vay là 4.000đ/triệu/ngày (146%/năm) gấp 7,30 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền lãi nhằm thu là 2.000.000 đồng, gồm 273.973 đồng được thu theo quy định và 1.726.027 đồng hưởng lợi bất chính. Khoản vay này chị Long đã trả được 8.700.000đ tiền gốc và lãi, còn 1.300.000đ chưa thanh toán.

Ngày 05/01/2023, chị L tiếp tục vay số tiền 10.000.000 đồng cùng hình thức và lãi suất như trên. Số tiền thực nhận 8.000.000 đồng, mỗi ngày đóng 200.000 đồng trong 50 ngày. Như vậy tổng số tiền chị L phải trả cho khoản vay là 10.000.000 đồng. Số tiền lãi nhằm thu của gói vay là 2.000.000 đồng, gồm 273.973 đồng được thu theo quy định và 1.726.027 đồng hưởng lợi bất chính. Khoản vay này chị L đã trả được 4.300.000 đồng tiền gốc và lãi, còn 5.700.000 đồng chưa thanh toán.

Tổng số tiền chị Long vay là 20.000.000 đồng, số tiền chị L thực nhận 16.000.000 đồng, số tiền lãi với 02 khoản vay là 4.000.000 đồng, gồm 547.946 đồng được thu theo quy định và 3.452.054 đồng hưởng lợi bất chính. Hai khoản vay này chị Long đã trả được 13.000.000 đồng tiền gốc và lãi, còn 7.000.000 đồng chưa thanh toán. Khi cho vay Tr yêu cầu chị L dẫn về nhà để xác minh thông tin địa chỉ, công việc, điều kiện kinh tế, khi cho vay không yêu cầu chị L phải viết giấy tờ, hay để lại tài sản đảm bảo.

8. Ngày 23/11/2022, chị Lê Thị H, vay gói 50.000.000 đồng, thời hạn vay 37 ngày, mỗi ngày đóng 1.500.000 đồng, tương ứng với tổng số tiền phải trả là 55.500.000 đồng. Mức lãi suất của khoản vay là 2.973đ/triệu/ngày (108,51%/năm) gấp 5,43 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền lãi nhằm thu là 5.500.000 đồng, gồm 1.013.699 đồng được thu theo quy định và 4.486.301 đồng hưởng lợi bất chính. Khoản vay này chị H đã thanh toán hết. Do Tr biết chị H có cửa hàng bán thuốc và có vài lần đến nhờ chị H chuyển tiền nên khi cho chị H vay không yêu cầu chị H phải viết giấy tờ, hay để lại tài sản đảm bảo.

9. Ngày 12/12/2022, chị Trịnh Thị Đ, vay gói 30.000.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày, mỗi ngày đóng 1.200.000đ, tương ứng với tổng số tiền phải trả là 38.400.000 đồng. Mức lãi suất của khoản vay là 8.750đ/triệu/ngày (319,38%/năm) gấp 15,97 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền lãi nhằm thu là 8.400.000 đồng, gồm 526.027 đồng được thu theo quy định và 7.873.973 đồng hưởng lợi bất chính. Khoản vay này chị Đ đã trả được 9.600.000 đồng tiền gốc và lãi, còn 28.800.000 đồng chưa thanh toán. Khi cho vay Tr yêu cầu chị Đ cung cấp thông tin địa chỉ, công việc, điều kiện kinh tế để kiểm tra, không yêu cầu chị Đ phải viết giấy tờ, hay để lại tài sản đảm bảo.

10. Ngày 19/12/2022, anh Bùi Đức N vay gói 5.000.000 đồng, thời hạn vay 32 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng, tương ứng với tổng số tiền phải trả là 6.400.000 đồng. Mức lãi suất của khoản vay là 8.750đ/triệu/ngày (319,38%/năm) gấp 15,97 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự. Số tiền lãi nhằm thu là 1.400.000 đồng, gồm 87.671 đồng được thu theo quy định và 1.312.329 đồng hưởng lợi bất chính. Khoản vay này anh N đã thanh toán hết. Do anh N và Tr quen biết nhau từ trước nên khi vay Tr không yêu cầu anh N phải viết giấy tờ, hay để lại tài sản đảm bảo.

Tổng số tiền Tr và Th sử dụng cho 10 khách hàng vay là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng), số tiền khách thực nhận 173.800.000đ (Một trăm bảy mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng), số tiền lãi đã thu 39.100.000đ (Ba mươi chín triệu một trăm nghìn đồng).

Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm. Lãi suất được thu tối đa được xác định như sau: Tiền lãi tối đa = Số tiền vay x 20%/năm/365 ngày x Số ngày vay. Do đó số tiền lãi tối đa mà Th và Tr được thu của khách là 3.590.000 đồng; số tiền lãi đã thu của khách là 39.100.000 đồng. Số tiền thu lời bất chính là 35.510.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Những người vay tiền không có yêu cầu gì.

Tại cơ quan điều tra, Trịnh Văn Tr và Trịnh Văn Th đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 359/CT-VKSTPTH, ngày 23/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa truy tố Trịnh Văn Tr và Trịnh Văn Th về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn Tr và Trịnh Văn Th phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Đề nghị xử phạt tiền bị cáo Trịnh Văn Tr từ 50.000.000đ đến 60.000.000đ; Phạt tiền bị cáo Trịnh Văn Th từ 50.000.000đ đến 60.000.000đ.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Truy thu của Trịnh Văn Th và Trịnh Văn Tr số tiền gốc 143.452.000.000đ và tiền lãi 3.590.000đ. Tổng cộng 147.042.000đ.

- Truy thu số tiền gốc của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để nộp ngân sách Nhà nước là: Thu của anh Bùi Văn L 3.730.000đ; Thu của chị Bùi Thị L 1.688.000đ; Thu của chị Chu Thị H 1.665.000đ; Thu của chị Nguyễn Thị Nh 4.991.000đ; Thu của chị Hoàng Thị L 3.548.000đ; Thu của chị Trịnh Thị Đ 20.926.000đ.

Đề nghị tịch thu, bán nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 13 Pro gắn sim số 0827573456 thu giữ của Trịnh Văn Tr.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 03 năm 2023 Trịnh Văn Tr và Trịnh Văn Th đã có hành vi cho vay lãi nặng đối với 10 khách hàng trên địa bàn thành phố Thanh Hoá với tổng số tiền 180.000.000 đồng, với lãi suất từ 3.000đ/1 triệu/ngày đến 9.000đ/1 triệu/ngày tương đương lãi suất 108,51%/ năm đến 319.38%/ năm. Tổng số tiền lãi đã thu 39.100.000đ, trong đó số tiền lãi được thu theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 3.589.040 đồng, số tiền thu lời bất chính là 35.510.960đ (Ba mươi lăm triệu, năm trăm mười nghìn, chín trăm sáu mươi đồng).

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trịnh Văn Tr và Trịnh Văn Th phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay tài sản. Mặc dù nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái nhưng vì hám lợi nên các bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay tiền để hưởng số tiền lãi vượt quá lãi suất mà pháp luật quy định. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo cũng như giáo dục và phòng ngừa chung.

Tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”.

Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, tại Điều 3 quy định về Nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là: “Xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính đối với người thực hiện hành vi phạm tội”. Do đó áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ chung quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét vai trò của các bị cáo: Vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Các bị cáo cùng góp tiền và được hưởng lợi bằng nhau nên cả 2 có vai trò ngang nhau.

[6] Vật chứng: Đối với số tiền gốc 180.000.000đ là khoản tiền các bị cáo sử dụng cho vay là phương tiện phạm tội nên cần truy thu để nộp ngân sách Nhà nước.
- Đối với 01 điện thoại Iphone 13 Pro gắn sim số 0827573456 thu giữ của Trịnh Văn Tr, quá trình điều tra xác định đây là công cụ để Tr sử dụng liên lạc với khách hàng vay nhằm mục đích thu tiền. Do đó tịch thu, bán nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về hình phạt bổ sung: Đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Văn Tr và Trịnh Văn Th phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Xử phạt:

Bị cáo Trịnh Văn Tr 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Bị cáo Trịnh Văn Th 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Truy thu của Trịnh Văn Th và Trịnh Văn Tr số tiền gốc 143.452.000.000đ và tiền lãi 3.590.000đ. Tổng cộng 147.042.000đ. Cụ thể: Thu của Trịnh Văn Th 73.521.000đ (Bảy mươi ba triệu, năm trăm hai mươi một ngàn đồng); Thu của Trịnh Văn Tr 73.521.000đ (Bảy mươi ba triệu, năm trăm hai mươi một ngàn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tịch thu bán nộp ngân sách nhà nước Một điện thoại Iphone 13 Pro màu vàng Gold, Imel 355786372288683, gắn kèm sim (Điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy móc bên trong).

Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 14/2024/THA ngày 23/10/2023 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá và Công an thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14. Bị cáo phải nộp mỗi bị cáo 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trương Thị Anh

